

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1784/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 13 tháng 9 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh tỉnh Phú Yên
giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến 2025.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 1393/QĐ-TTg ngày 25/9/2012 V/v Phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh; số 403/QĐ-TTg ngày 20/3/2014 V/v Phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014-2020;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư (tại Tờ trình số 129/SKHĐT-VP21 ngày 28/8/2017) và ý kiến góp ý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (tại Công văn số 6842/BKHĐT-KHGDTNMT ngày 23/8/2017),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh tỉnh Phú Yên giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến 2025 (sau đây viết tắt là KHHĐ TTX), với các nội dung sau:

I. MỤC TIÊU:

1. Mục tiêu tổng quát:

Đảm bảo thực hiện có hiệu quả Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh (viết tắt là TTX), hỗ trợ phát triển kinh tế nhanh và bền vững, với trọng tâm là hướng đến nền kinh tế carbon thấp, giảm phát thải và tăng khả năng hấp thụ khí nhà kính (viết tắt là KNK), làm giàu vốn tự nhiên, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng, tài nguyên thiên nhiên. Phát triển các ngành kinh tế trọng điểm theo hướng xanh hóa. Cải thiện các vấn đề môi trường, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân và chất lượng cảnh quan. Xây dựng lối sống thân thiện với môi trường. Nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu (viết tắt là BĐKH).

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025:

a) Giảm phát thải KNK:

- Đến năm 2020: Giảm cường độ phát thải khí nhà kính so với mức phát triển bình thường là 28%, trong đó mức giảm tự nguyện khoảng 17,5%, còn lại là mức phần đầu khi có thêm hỗ trợ quốc gia và/ hoặc quốc tế.

- Đến năm 2025: Phân đầu giảm cường độ phát thải khí nhà kính so với mức phát triển bình thường là 46,6%, trong đó mức giảm tự nguyện khoảng 14%, còn lại là mức phân đầu khi có thêm hỗ trợ quốc gia và/ hoặc quốc tế.

b) Xanh hóa sản xuất:

- Hình thành và phát triển cơ cấu “kinh tế xanh” trên cơ sở đẩy mạnh phát triển các ngành kinh tế sử dụng công nghệ tiên tiến, tạo ra giá trị gia tăng lớn, các ngành kinh tế sử dụng hiệu quả hơn tài nguyên thiên nhiên, chống chịu tốt hơn với biến đổi khí hậu;

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp; xanh hóa các ngành hiện có và khuyến khích phát triển các ngành kinh tế sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên với giá trị gia tăng cao.

* *Phân đầu đến năm 2020:*

- Duy trì 100% khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường; 80% khu công nghiệp, cụm công nghiệp, 50% làng nghề có hệ thống thu gom và xử lý chất thải rắn đạt yêu cầu;

- 80% cơ sở sản xuất, kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường, trong đó 50% các cơ sở áp dụng công nghệ sạch, thân thiện với môi trường;

- Phân đầu đưa mức đầu tư phát triển các ngành hỗ trợ bảo vệ môi trường và làm giàu vốn tự nhiên lên đạt 3 - 4% GRDP.

c) Xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững:

Xây dựng lối sống thân thiện với môi trường, tạo nhiều việc làm xanh từ các ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ; hoàn thiện cơ sở hạ tầng đô thị và nông thôn; cải thiện môi trường sống và phong cách sinh hoạt của cư dân.

* *Phân đầu đến năm 2020:*

- Trên 65% số xã đạt chuẩn vệ sinh môi trường theo tiêu chí nông thôn mới.

- 100% chất thải y tế được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường; 90% chất thải rắn đô thị được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường trong đó 85% được tái chế, tái sử dụng, thu hồi năng lượng hoặc sản xuất phân bón, 70% chất thải rắn nông thôn được thu gom, trong đó 50% được tái sử dụng, tái chế hoặc được tái sản xuất làm phân bón; 70% tổng lượng chất thải rắn nguy hại tại các KCN được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường.

- Giảm 85% khối lượng túi nilon sử dụng tại các siêu thị, trung tâm thương mại và các chợ dân sinh so với năm 2010.

- 80% dân cư hiểu biết, có kiến thức cơ bản về ứng phó, thích nghi với BĐKH.

- 100% đô thị có diện tích cây xanh đạt tiêu chuẩn.

- Tỷ lệ che phủ rừng đạt 45%.

- Bảo đảm 90% tổng số dân đô thị được sử dụng nước sạch, 100% hộ dân nông thôn cơ bản được sử dụng nước hợp vệ sinh.

II. CÁC NHÓM GIẢI PHÁP CHỦ YẾU:

1. Nhóm giải pháp về tăng cường năng lực và thể chế:

- Rà soát nội dung các văn bản quy phạm pháp luật, các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đã được ban hành của tỉnh, nhằm phát hiện những điểm chưa phù hợp với các mục tiêu, định hướng TTX, bảo vệ môi trường và thích ứng với BĐKH và đề xuất điều chỉnh, bổ sung, coi đó là một tiêu chí quan trọng khi phê duyệt các văn bản này.

- Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan ban ngành, giữa các thành viên thuộc bộ máy quản lý nhà nước trong việc thực hiện các nhiệm vụ và hoạt động nhằm đạt được các mục tiêu TTX và phát triển bền vững (viết tắt là PTBV). □

- Kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và ứng phó với BĐKH và thực hiện TTX nhằm đáp ứng các yêu cầu thực tế đang ngày càng đa dạng và phức tạp.

- Xây dựng cơ chế, chính sách cụ thể về huy động và quản lý có hiệu quả các nguồn lực (trong nước và quốc tế) cho PTBV và TTX giai đoạn đến 2020 và tầm nhìn 2025.

- Đẩy mạnh hợp tác, tài trợ quốc tế đa phương và song phương về xây dựng mô hình phát triển xanh, mô hình sinh thái, phát triển nguồn nhân lực cho TTX. Chú trọng liên kết phát triển khoa học, công nghệ của tỉnh với phát triển khoa học, công nghệ của vùng và khu vực.

- Tăng cường việc trao đổi thông tin, số liệu phục vụ cho việc theo dõi, đánh giá và báo cáo một cách thường xuyên về thực trạng tăng trưởng, quản lý môi trường và tài nguyên trên địa bàn.

- Xây dựng các tiêu chí khung hoặc phương án theo dõi, đánh giá và báo cáo thực hiện Chiến lược và Kế hoạch hành động TTX của tỉnh.

2. Nhóm giải pháp về nâng cao nhận thức và tăng cường sự tham gia:

- Đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động tuyên truyền vận động và thông tin về PTBV và TTX, về lợi ích của việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, sử dụng giao thông công cộng, ứng dụng năng lượng sạch và năng lượng tái tạo, nhằm nâng cao nhận thức của nhân dân, của cộng đồng về chiến lược Tăng trưởng xanh.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt ở cấp các huyện/ thị xã/ thành phố và xã/phường về phát triển bền vững, ứng phó với BĐKH và TTX.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt nguồn nhân lực phục vụ thực hiện chiến lược PTBV, ứng phó với BĐKH và TTX.

- Tăng đầu tư cho tăng cường năng lực của hệ thống quản lý nhà nước về BVMT, PTBV và TTX, đặc biệt thấp ở các cấp dưới (huyện/thị xã/thành phố và xã/phường).

- Nghiên cứu, lựa chọn, lồng ghép các nội dung giảng dạy về TTX, công nghệ xanh, khai thác tài nguyên bền vững... vào các cấp học, bậc học phù hợp. □

- Phát huy vai trò của tổ chức chính trị - xã hội, các đoàn thể, các cơ quan và phương tiện thông tin đại chúng trong việc nâng cao nhận thức của cộng đồng địa phương về TTX, về cách phòng ngừa, thích ứng với BĐKH. Trong đó, chú trọng việc tăng cường ý thức trách nhiệm và sự hiểu biết của các chủ doanh nghiệp, chủ dự án ở

các khu đô thị về tầm quan trọng và ý nghĩa của việc đăng ký chủ nguồn thải, gửi báo cáo định kỳ về giám sát môi trường, chủ động lập kế hoạch ứng phó với sự cố môi trường, đầu tư công trình xử lý chất thải,...

3. Nhóm giải pháp về giảm cường độ phát thải khí nhà kính:

a) Trong nông lâm thủy sản:

- Phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, ứng dụng phương pháp canh tác tiết kiệm tài nguyên, nhất là tài nguyên đất và nước để giảm phát thải KNK trong ngành nông nghiệp. Áp dụng các biện pháp tưới tiêu tiết kiệm nước; hạn chế sử dụng các loại phân bón và chất bảo vệ thực vật hóa học; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện đất đai và khí hậu của tỉnh nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tiết kiệm nước và điện năng trong tưới tiêu, bằng cách đó giảm phát thải KNK.

- Đẩy mạnh trồng mới và phát triển rừng, tăng diện tích rừng để mở rộng bể hấp thụ cacbon, thay thế diện tích rừng bị mất do quá trình khai thác và phát triển kinh tế. Thực hiện tốt chương trình tái cơ cấu lâm nghiệp tỉnh theo lộ trình quản lý rừng bền vững và thương mại gỗ có trách nhiệm. Gia tăng trách nhiệm của các bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng và cơ chế hưởng lợi của bên cung ứng dịch vụ rừng. Có sự lựa chọn chiến lược các khu rừng cho năng suất cao để trồng mới và tăng độ che phủ rừng; nâng cao chất lượng rừng hiện có. Đấu tranh kiên quyết chống lại nạn phá rừng. Bảo vệ diện tích rừng hiện có, đặc biệt là các khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ. Xây dựng các vùng đệm xung quanh các khu bảo tồn để quản lý rừng có hiệu quả hơn.

- Đảm bảo việc xây dựng cơ sở hạ tầng không gây ảnh hưởng lớn đến các khu bảo tồn tự nhiên trọng yếu, không tác động tiêu cực các loài động thực vật đang bị đe dọa; sử dụng các phương pháp khai thác và vận chuyển gây tác động thấp nhất đến môi trường xung quanh.

- Xây dựng các hồ nước sử dụng đa mục tiêu, vừa cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp, vừa cung cấp nước cho sinh hoạt của nhân dân.

b) Trong công nghiệp và năng lượng:

- Thực hiện hiện đại hóa công nghệ để giảm thiểu tiêu thụ nhiên liệu, tài nguyên. Áp dụng các công nghệ carbon thấp trong các ngành công nghiệp trọng điểm. Hạn chế sử dụng nhiên liệu hóa thạch bằng cách sử dụng các máy móc chạy điện, tăng cường sử dụng nhiên liệu sinh học nhằm giảm phát thải KNK. Phấn đấu để đến năm 2020 tất cả các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trong tỉnh đạt tiêu chuẩn môi trường ngay từ khi xây dựng.

- Tăng nguồn cung cấp điện phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, với ưu tiên đầu tư cho các nguồn điện từ năng lượng tái tạo. Cải tạo và nâng cấp lưới điện hiện có để đáp ứng yêu cầu tích hợp nguồn điện tái tạo; từng bước nâng cấp chất lượng lưới điện nhằm giảm tổn thất điện.

c) Trong thương mại và dịch vụ:

Khuyến khích các cơ sở thương mại và dịch vụ trên địa bàn tỉnh áp dụng các giải pháp tiết kiệm điện và sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo thay thế. Đầu tư và đưa vào sử dụng các xe buýt xanh chạy điện phục vụ du lịch.

4. Nhóm giải pháp về xanh hóa sản xuất:

- Hạn chế và giảm dần những ngành hoặc những hoạt động kinh tế làm phát sinh chất thải lớn, gây ô nhiễm môi trường. Ưu tiên phát triển các ngành sản xuất ít tác động đến môi trường và tài nguyên.

- Áp dụng các biện pháp nhằm giảm thiểu việc xả chất thải từ các hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt là khí thải, nước thải và chất thải rắn độc hại.

- Thay thế các nguyên, vật liệu độc hại hoặc không có khả năng tái chế bằng các nguyên vật liệu ít độc hại hơn hoặc có thể tái chế. Thay đổi quy trình hoặc thiết bị sản xuất nhằm đạt hiệu quả cao hơn hoặc hạn chế phát thải khí nhà kính.

- Sử dụng công nghệ hiện đại trong khai thác và chế biến nông - lâm - thủy sản nhằm nâng cao hiệu quả khai thác, chế biến và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

- Khuyến khích các doanh nghiệp tiết kiệm điện, nước và tái chế. Xây dựng kế hoạch quản lý cung cấp nước bền vững cho các ngành, bao gồm cả các nội dung về tái sử dụng, tái chế và xử lý nước đã qua sử dụng. Triển khai các hoạt động thúc đẩy tiết kiệm nước.

- Khuyến khích các doanh nghiệp lập kế hoạch và thực hiện tái chế và tái sử dụng chất thải. Hỗ trợ các dự án đầu tư tư nhân vào công nghệ tái chế, tái sử dụng các phế phẩm từ nông nghiệp hoặc khai khoáng.

- Bảo vệ tốt hơn các nguồn nước hiện có (nước mặt, nước ngầm). Thường xuyên theo dõi và đánh giá các chất gây ô nhiễm trong nguồn cung cấp nước để bảo đảm nồng độ không vượt quá giới hạn cho phép.

- Quản lý quá trình công nghiệp hóa theo hướng bảo tồn tài sản thiên nhiên và phục hồi tự nhiên. Khoanh vùng đất để giảm thiểu các khu dân cư vùng ven các con sông và những nơi dễ bị tổn thương, bao gồm cả việc áp dụng các cơ chế tái định cư thích hợp. Kiểm soát lũ và điều tiết việc sử dụng nước trong thời kỳ có các chế độ thủy văn khác nhau; nâng cấp và mở rộng hệ thống thủy lợi hiện có.

- Lồng ghép các nhu cầu ứng phó với BĐKH vào chương trình đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi; cải tiến phương thức canh tác, áp dụng giống cây có khả năng chịu mặn và khả năng chống chịu lũ lụt cao.

- Xây dựng và nâng cấp kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, tăng khả năng kết nối các vùng trong tỉnh và với các tỉnh và vùng lân cận. Ưu tiên đầu tư xây dựng các tuyến giao thông trọng điểm theo các tiêu chuẩn bền vững.

5. Nhóm giải pháp về xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững:

- Thực hiện “lối sống xanh” là cải thiện và làm cho đời sống của con người ngày càng hòa hợp hơn với môi trường tự nhiên. Lối sống xanh được quy định bởi hành động của mỗi cá nhân, mỗi hộ gia đình, mỗi cộng đồng. Ở tầm quốc gia và các tỉnh, thành phố, “lối sống xanh” được thể hiện qua việc bảo đảm tiêu dùng bền vững,

thu gom và xử lý nước thải, chất thải rắn, bảo đảm giao thông an toàn, xanh hóa đô thị và cải thiện nạn ô nhiễm.

- Đề thúc đẩy tiêu dùng bền vững, tỉnh cần nâng cao nhận thức của người dân và doanh nghiệp về các hành vi và cách thức sản xuất, tiêu dùng có lợi cho môi trường, đặc biệt trong các lĩnh vực liên quan đến vệ sinh, quản lý và xử lý nước thải, chất thải rắn. Tăng cường giáo dục về tầm quan trọng của việc giảm thiểu chất thải và cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường ở cả khu vực đô thị và nông thôn.

- Tăng khả năng tiếp cận các nguồn nước sạch hoặc nước hợp vệ sinh. Bảo đảm việc tuân thủ các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm từ khâu sản xuất, vận chuyển, phân phối đến người tiêu dùng cuối cùng.

- Mở rộng diện tích cây xanh, thảm thực vật tại các khu vực đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

- Mở rộng nhanh chóng việc ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại trong quản lý và trong đời sống xã hội; hoàn thiện thể chế; đổi mới công nghệ.

III. CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU VÀ DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM LIÊN QUAN ĐẾN TĂNG TRƯỞNG XANH:

1. Nhóm nhiệm vụ, dự án tăng cường năng lực và thể chế:

- Rà soát nội dung các văn bản quy phạm pháp luật, các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đã được ban hành của tỉnh, nhằm phát hiện những điểm chưa phù hợp với các mục tiêu, định hướng TTX, BVMT và thích ứng với BĐKH và đề xuất điều chỉnh, bổ sung.

- Lồng ghép các nội dung của Chiến lược TTX quốc gia vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Quy hoạch nông thôn theo các tiêu chuẩn sống thân thiện với môi trường; tăng cường diện tích cây xanh, sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu xanh và tiết kiệm năng lượng.

- Rà soát, điều chỉnh quy hoạch đô thị và thiết kế đô thị theo hướng “cơ sở hạ tầng xanh” nhằm đem lại một đô thị xanh, bền vững, có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu và tạo môi trường sống trong lành.

- Xây dựng chính sách khuyến khích các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật mới về giống, về công nghệ trong sản xuất, chế biến, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp, thủy sản.

- Xây dựng và áp dụng các tiêu chí cho việc xác định thứ tự ưu tiên cho các hoạt động, chương trình, dự án TTX của tỉnh.

- Tăng cường năng lực của hệ thống quản lý nhà nước về chống BĐKH và TTX, xử lý môi trường, đặc biệt năng lực của các cấp dưới (quận/huyện và xã/phường).

- Xây dựng cơ chế tăng cường hoạt động trao đổi thông tin, số liệu phục vụ cho việc theo dõi, đánh giá và báo cáo một cách thường xuyên về thực trạng môi trường và TTX. Xây dựng các tiêu chí khung hoặc phương án cho việc theo dõi, đánh giá và báo cáo thực hiện Chiến lược và Kế hoạch hành động TTX của tỉnh.

- Xây dựng cơ chế và chính sách thu hút các nguồn vốn vay, ODA, hỗ trợ kỹ thuật của các nước, các tổ chức quốc tế thực hiện chiến lược TTX. Phối hợp với các dự án hỗ trợ của quốc tế đang và sắp được triển khai để thực hiện công tác đào tạo nâng cao năng lực cho các Sở/ngành liên quan nhằm thúc đẩy đầu tư trong lĩnh vực năng lượng sạch, năng lượng tái tạo và nông nghiệp công nghệ cao.

2. Nhóm nhiệm vụ, dự án nâng cao nhận thức:

- Tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức của các doanh nghiệp, cộng đồng và người dân về sản xuất sạch hơn, sử dụng tài nguyên, năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

- Tổ chức chương trình tập huấn, nâng cao nhận thức về BĐKH, PTBV, TTX với giảm phát thải KNK cho cán bộ các sở, ban ngành, địa phương và cộng đồng dân cư.

- Tuyên truyền rộng rãi và nâng cao nhận thức về ứng dụng các dạng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo mà tỉnh đang có lợi thế (như năng lượng mặt trời, năng lượng sinh khối, năng lượng gió).

- Tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức, hình ảnh doanh nghiệp nông, công, thương nghiệp và du lịch thân thiện môi trường.

- Lồng ghép các nội dung giảng dạy về TTX, giảm phát thải KNK, tiết kiệm năng lượng, áp dụng công nghệ xanh, khai thác tài nguyên bền vững...vào các cấp học, bậc học phù hợp, kể cả các chương trình bồi dưỡng lý luận chính trị, quản lý nhà nước cho các cán bộ trong tỉnh.

- Xây dựng các chương trình chính khóa, ngoại khóa về TTX, ứng phó với BĐKH và PTBV cho học sinh, sinh viên các trường trên địa bàn tỉnh.

- Phát hành các ấn phẩm, các pano, các chương trình tivi, radio và các phương tiện tuyên truyền đại chúng khác nhằm nâng cao hiểu biết và ý thức về TTX, sử dụng tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải KNK và thực hiện PTBV.

- Đào tạo nguồn nhân lực phục vụ TTX, nhất là trong các ngành kinh tế trọng điểm của tỉnh như ngành nông - lâm - thủy sản và du lịch.

- Tổ chức sơ kết nhằm kiểm điểm, đánh giá nghiêm túc về các kết quả đạt được, xác định rõ các ưu khuyết điểm, tồn tại và nguyên nhân, trách nhiệm của từng sở, ngành, từng địa phương trong thực hiện TTX. Đưa nội dung kiểm điểm thực hiện TTX vào các báo cáo tổng kết, đánh giá định kỳ của các sở, ngành địa phương.

3. Nhóm nhiệm vụ, dự án về giảm phát thải khí nhà kính:

a) Trong nông lâm ngư nghiệp:

- Áp dụng kỹ thuật canh tác lúa cải tiến;
- Áp dụng kỹ thuật, công nghệ lựa chọn giống trong canh tác lúa;
- Sử dụng bền vững nguồn phụ phẩm nông nghiệp;
- Ứng dụng công nghệ khí sinh học trong chăn nuôi;
- Sử dụng đèn LED trong đánh bắt thủy hải sản;
- Sử dụng tua bin sức khí hiệu suất cao;
- Sử dụng bơm năng lượng mặt trời kết hợp tưới nhỏ giọt;

- Áp dụng các biện pháp quản lý rừng bền vững và thương mại lâm sản có trách nhiệm;

- Trồng rừng ngập mặn bảo vệ bờ biển, chống xói lở;
- Triển khai các chương trình làm giàu rừng và bảo vệ rừng tự nhiên hiện có;
- Tổ chức trồng rừng sản xuất trên đất trống;
- Chương trình giảm phát thải khí nhà kính thông qua các nỗ lực hạn chế mất rừng, suy thoái rừng, quản lý bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn và tăng cường trữ lượng cacbon rừng (REDD⁺).

b) Trong dân dụng:

- Triển khai các chương trình năng lượng bền vững cho cộng đồng;
- Sử dụng bếp khí sinh học trong đun nấu tại khu vực nông thôn;
- Sử dụng đèn compact trong chiếu sáng;
- Sử dụng điều hòa hiệu suất cao ở khu vực thành thị;
- Sử dụng bình đun nước nóng mặt trời ở khu vực thành thị;
- Lắp đặt hệ thống điện mặt trời trên mái nhà.

c) Trong dịch vụ thương mại:

- Sử dụng đèn LED cho khách sạn, văn phòng và chiếu sáng công cộng;
- Sử dụng thiết bị đun nước nóng bằng năng lượng mặt trời cho khách sạn nhỏ;
- Sử dụng điều hòa tiết kiệm năng lượng chạy bằng năng lượng mặt trời cho khu vực dịch vụ du lịch, khách sạn.

d) Trong công nghiệp, năng lượng và xử lý rác thải:

- Sử dụng lò hơi sinh khối thay thế lò đốt nhiên liệu hoá thạch trong công nghiệp thực phẩm (ví dụ: sản xuất bia);
- Áp dụng các biện pháp tiết kiệm năng lượng trong hệ thống lạnh trong công nghiệp chế biến thủy sản;
- Áp dụng các biện pháp tiết kiệm năng lượng trong ngành xi măng;
- Lắp đặt dây chuyền sản xuất gạch không nung;
- Phát triển điện gió nổi lưới;
- Phát triển thủy điện nhỏ;
- Phát triển điện sinh khối;
- Phát triển mô hình thu khí gas từ bãi chôn lấp hợp vệ sinh chất thải rắn sinh hoạt, chuyển khí gas thành điện;
- Phát triển các mô hình sản xuất sạch hơn và đưa vào áp dụng trong các nhà máy chế biến thủy sản.

e) Trong giao thông:

- Sử dụng xe buýt điện trong du lịch;
- Triển khai các chương trình sử dụng nhiên liệu sinh học cho xe buýt và xe máy ở quy mô phù hợp.

4. Nhóm nhiệm vụ, dự án về xanh hóa sản xuất:

- Hạn chế và giảm dần những ngành hoặc những hoạt động kinh tế làm phát sinh chất thải lớn, gây ô nhiễm môi trường. Ưu tiên phát triển các ngành sản xuất ít tác động đến môi trường và tài nguyên. □

- Áp dụng các biện pháp nhằm giảm thiểu việc xả chất thải từ các hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt là khí thải, nước thải và chất thải rắn độc hại.

- Thay thế các nguyên, vật liệu độc hại hoặc không có khả năng tái chế bằng các nguyên vật liệu ít độc hại hơn hoặc có thể tái chế. Thay đổi quy trình hoặc thiết bị sản xuất nhằm đạt hiệu quả cao hơn hoặc hạn chế phát thải khí nhà kính.

- Sử dụng công nghệ hiện đại trong khai thác và chế biến nông - lâm - thủy sản nhằm nâng cao hiệu quả khai thác, chế biến và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

- Khuyến khích các doanh nghiệp tiết kiệm điện, nước và tái chế. Xây dựng kế hoạch quản lý cung cấp nước bền vững cho các ngành, bao gồm cả các nội dung về tái sử dụng, tái chế và xử lý nước đã qua sử dụng. Triển khai các hoạt động thúc đẩy tiết kiệm nước.

- Khuyến khích các doanh nghiệp lập kế hoạch và thực hiện tái chế và tái sử dụng chất thải. Hỗ trợ các dự án đầu tư tư nhân vào công nghệ tái chế, tái sử dụng các phế phẩm từ nông nghiệp hoặc khai khoáng.

- Bảo vệ tốt hơn các nguồn nước hiện có (nước mặt, nước ngầm). Thường xuyên theo dõi và đánh giá các chất gây ô nhiễm trong nguồn cung cấp nước để bảo đảm nồng độ không vượt quá giới hạn cho phép.

- Quản lý quá trình công nghiệp hóa theo hướng bảo tồn tài sản thiên nhiên và phục hồi tự nhiên. Khoanh vùng đất để giảm thiểu các khu dân cư vùng ven các con sông và những nơi dễ bị tổn thương, bao gồm cả việc áp dụng các cơ chế tái định cư thích hợp; kiểm soát lũ và điều tiết việc sử dụng nước trong thời kỳ có các chế độ thủy văn khác nhau; nâng cấp và mở rộng hệ thống thủy lợi hiện có.

- Lồng ghép các nhu cầu ứng phó với BĐKH vào chương trình đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi; cải tiến phương thức canh tác, áp dụng giống cây có khả năng chịu mặn và khả năng chống chịu lũ lụt cao.

- Xây dựng và nâng cấp kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, tăng khả năng kết nối các vùng trong tỉnh và với các tỉnh và vùng lân cận. Ưu tiên đầu tư xây dựng các tuyến giao thông trọng điểm theo các tiêu chuẩn bền vững.

5. Nhóm nhiệm vụ, dự án xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững:

- Xây dựng đô thị bền vững: Đưa yếu tố tăng trưởng xanh vào quy trình kế hoạch hóa phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. rà soát quy hoạch các khu đô thị, điều chỉnh các quy hoạch đô thị theo cách tiếp cận của một “đô thị xanh”. Đảm bảo tăng tỷ lệ rác thải được phân loại, xử lý, đặc biệt là rác thải sinh hoạt và rác thải bệnh viện. Tăng đầu tư cho cải thiện chất lượng môi trường đô thị, cải tiến công nghệ, hiện đại hóa thiết bị thu gom, xử lý nước thải. Triển khai việc áp dụng công nghệ cao vào xử lý chất thải. Tăng cường bảo vệ cảnh quan môi trường theo các tiêu chí xanh - sạch - đẹp. Ưu tiên phân bổ đất công cộng để mở rộng diện tích không gian xanh tại

các khu đô thị. Xây dựng mới và nâng cấp công viên cây xanh, chú trọng phân bố công viên xanh ở các khu vực trung tâm thành phố, các khu dân cư lớn và khu công nghiệp; Hạn chế sử dụng những khu vực có môi trường sinh thái tốt để xây dựng các khu chức năng tại các khu đô thị.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng Nông thôn mới: Trên cơ sở các kết quả đã đạt được trong giai đoạn 2011-2015, tập trung triển khai các nội dung liên quan tới tái cơ cấu ngành nông nghiệp và các quy hoạch đã được phê duyệt. Ưu tiên huy động nguồn vốn đầu tư cho các xã điểm nhằm đạt mục tiêu tới năm 2020 sẽ có trên 57 xã đạt chuẩn xã nông thôn mới; và 2 huyện/thị xã/thành phố đạt chuẩn huyện/thị xã/thành phố nông thôn mới.

- Thúc đẩy tiêu dùng bền vững: Thúc đẩy hoạt động dân nhân sinh thái và quảng bá các thông tin về các sản phẩm thân thiện với môi trường; Phát động phong trào “tiêu dùng xanh”, tiết kiệm điện, nước sạch, giấy gói, bao bì, hạn chế và tiến tới loại bỏ hoàn toàn việc sử dụng bao bì nilon trong các hoạt động mua sắm tại các siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng kinh doanh, các chợ truyền thống, cũng như trong sinh hoạt của dân cư. Khuyến khích tiêu dùng theo hướng tiết kiệm, tái chế, tái sử dụng, giảm thiểu chất thải. Tạo dư luận xã hội để lên án, xử lý các hành vi gây ô nhiễm hoặc tăng phát thải KNK. Thực hiện “chi tiêu công xanh” theo đó việc mua sắm và sử dụng hàng hóa có nhãn sinh thái, hàng hóa có khả năng tái chế, tái sử dụng, phải được ưu tiên trong chi tiêu ngân sách nhà nước. Các quy định hiện hành về thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế/phí bảo vệ môi trường phải được áp dụng triệt để nhằm điều chỉnh những hành vi tiêu dùng không hợp lý, trước hết đối với các sản phẩm có hại cho sức khỏe, văn hóa và môi trường.

- Quản lý chất thải rắn: Xây dựng quy hoạch tổng thể quản lý rác thải tổng hợp cho toàn tỉnh. Tăng công suất của các bãi chôn lấp rác thải nhằm quản lý bền vững đối với chất thải rắn, không độc hại. Xây dựng hệ thống an toàn cho vận chuyển và lưu giữ tại chỗ các chất thải độc hại.

- Hạn chế sử dụng thuốc bảo vệ thực vật: đào tạo, phổ biến rộng rãi cách sử dụng an toàn thuốc trừ sâu, xử lý an toàn các bao bì đựng thuốc bảo vệ thực vật, phân hóa học.

- Đầu tư hạ tầng kỹ thuật và ban hành chính sách khuyến khích các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ thông tin để nhanh chóng mở rộng việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và đời sống xã hội, qua đó tiết kiệm tiêu dùng năng lượng và tài nguyên, giảm chi phí giao thông, chi phí quản lý.

- Tổ chức thực hiện lễ lối làm việc của Chính phủ điện tử, tổ chức các hội nghị trực tuyến, làm việc, trao đổi, cung cấp thông tin, giáo dục và đào tạo, mua sắm qua internet.

(Danh mục các Chương trình, Dự án, Kế hoạch thực hiện cụ thể theo phụ lục đính kèm).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Bổ sung nhiệm vụ triển khai thực hiện “Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh tỉnh Phú Yên giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến 2025” vào chức năng, nhiệm vụ của Ban chỉ đạo Phát triển bền vững tỉnh Phú Yên (viết tắt là Ban chỉ đạo) mà không thành lập Ban chỉ đạo mới:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan thường trực của Ban chỉ đạo có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương và cơ quan liên quan cụ thể hóa nội dung KHHĐ TTX, tổ chức theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch hành động, định kỳ tổng hợp tình hình thực hiện, báo cáo Ban chỉ đạo và Ủy ban nhân dân tỉnh; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, sửa đổi, bổ sung xây dựng các văn bản pháp luật có liên quan đến quản lý nhà nước về ứng phó BĐKH, thực hiện TTX; điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, đưa các nội dung BĐKH, TTX, quản lý tài nguyên, môi trường vào các quy hoạch, kế hoạch, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội.

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện các dự án, kế hoạch, các chương trình thuộc lĩnh vực TTX, lĩnh vực ứng phó BĐKH, tăng cường quản lý có hiệu quả các nguồn tài nguyên và môi trường, công tác xúc tiến kinh tế, thương mại, đầu tư, du lịch, xây dựng môi trường đầu tư kinh doanh phù hợp với Chiến lược và KHHĐ TTX, tăng cường năng lực thích ứng với BĐKH.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng kế hoạch triển khai trên địa bàn huyện; theo dõi, tổng hợp tình hình, định kỳ báo cáo gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư.

2. Phân công nhiệm vụ thực hiện KHHĐ TTX giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến 2025:

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan có trách nhiệm triển khai Kế hoạch hành động, bảo đảm kịp thời, hiệu quả, phù hợp tình hình thực tế. Cụ thể như sau:

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Là cơ quan đầu mối về TTX, có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện KHHĐ TTX;

- Hướng dẫn, giám sát, đánh giá, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện KHHĐ TTX báo cáo UBND tỉnh theo định kỳ hàng năm; tổ chức sơ kết giữa kỳ để đánh giá, rút kinh nghiệm việc chỉ đạo thực hiện, nghiên cứu, đề xuất điều chỉnh, bổ sung để cập nhật cho tới hết giai đoạn 2025;

- Chủ trì phối hợp với các sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố, thị xã bổ sung, hoàn thiện danh mục chương trình, dự án trong từng giai đoạn cụ thể để triển khai thực hiện;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ngành liên quan cân đối, vận động, thu hút để đảm bảo nguồn vốn thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu trong kế hoạch.

b) Sở Tài chính:

Chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, trình cấp thẩm quyền phê duyệt dự toán để làm cơ sở triển khai thực hiện.

c) Sở Thông tin và Truyền thông:

- Chủ trì phối hợp thực hiện các đề án, dự án liên quan đến xây dựng chính quyền điện tử tỉnh, dự án dịch vụ công cấp độ cao.

- Đẩy mạnh công tác quản trị hệ thống mạng truyền số liệu chuyên dùng, đảm bảo phục vụ công tác triển khai các ứng dụng và quản lý điều hành của tỉnh.

d) Sở Công Thương:

- Là đơn vị chủ trì, phối hợp thực hiện các đề án, dự án liên quan đến giảm phát thải khí nhà kính trong công nghiệp, thương mại, sản xuất sạch hơn trong công nghiệp và phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo trên địa bàn tỉnh.

- Thường xuyên tuyên truyền, khuyến khích các doanh nghiệp thay đổi các thiết bị lạc hậu tốn nhiều năng lượng và thải nhiều khí thải để đầu tư các dây chuyền, máy móc hiện đại hơn.

e) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ triển khai thực hiện các đề án, dự án trong phát triển nông nghiệp thông minh, nông nghiệp công nghệ cao theo các định hướng TTX;

- Thường xuyên tuyên truyền nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả ít sử dụng phân bón hóa học và sử dụng nước hợp lý trong sản xuất; thực hiện tốt việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng cho phù hợp từng vùng và đáp ứng theo nhu cầu của thị trường;

- Là đơn vị chủ trì, phối hợp thực hiện các đề án, dự án liên quan đến giảm phát thải khí nhà kính trong nông - lâm - ngư nghiệp, phát triển nông nghiệp xanh và triển khai chương trình nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

g) Sở Giao thông Vận tải:

- Là đơn vị chủ trì, phối hợp thực hiện các đề án, dự án liên quan đến giảm phát thải khí nhà kính trong giao thông vận tải, phát triển hạ tầng giao thông bền vững và giao thông công cộng trên địa bàn tỉnh.

- Thường xuyên tuyên truyền, khuyến khích các doanh nghiệp vận tải thực hiện đúng các quy định về bảo trì, bảo dưỡng, loại bỏ các loại xe tốn nhiều nhiên liệu và hết niên hạn sử dụng.

h) Sở Xây dựng:

- Là đơn vị chủ trì, phối hợp thực hiện các đề án, dự án liên quan đến quy hoạch đô thị bền vững, phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật, công trình xanh, đảm bảo thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu TTX và ứng phó với BĐKH;

- Phối hợp cùng Sở Tài nguyên và Môi trường trong các hoạt động quản lý chất thải đô thị trên địa bàn tỉnh.

i) Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Tham mưu cho UBND tỉnh về chính sách phát triển môi trường bền vững theo các định hướng TTX; tổ chức xây dựng kế hoạch ngắn hạn, dài hạn về ứng phó BĐKH trên địa bàn tỉnh;

- Tăng cường giám sát các hoạt động của doanh nghiệp liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và môi trường để kịp thời xử lý;

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách về tài nguyên và môi trường để nâng cao nhận thức của người dân về trách nhiệm bảo vệ tài nguyên và môi trường;

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố trong công tác giám sát môi trường nhằm tăng cường hiệu quả BVMT đặc biệt đối với khối công nghiệp.

k) Sở Khoa học và Công nghệ:

- Chủ trì phối hợp với các ngành và đơn vị liên quan tham mưu, tư vấn lựa chọn các công nghệ du nhập về tỉnh; nghiên cứu, xây dựng cơ chế khuyến khích việc đầu tư, chuyển giao công nghệ, áp dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ trên địa bàn;

- Phối hợp với các ngành và đơn vị liên quan triển khai các nhiệm vụ khoa học công nghệ (chương trình, đề tài, dự án,...) về tăng trưởng xanh.

l) Sở Giáo dục và Đào tạo:

Chủ trì lồng ghép các nội dung giảng dạy về TTX, giảm phát thải KNK, tiết kiệm năng lượng, biến đổi khí hậu, phát triển bền vững,... vào chương trình giảng dạy ở các bậc phổ thông, đại học.

m) Các sở, ban ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố:

- Các sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố có nhiệm vụ triển khai, quán triệt và tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch tăng trưởng xanh của tỉnh; lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp vào các chương trình, kế hoạch phát triển hàng năm, 5 năm của ngành mình, cấp mình, đơn vị mình theo chức năng nhiệm vụ được giao;

- Xây dựng các chỉ tiêu tăng trưởng xanh của ngành phù hợp với điều kiện, đặc thù phát triển của ngành mình; tổ chức giám sát, đánh giá các mục tiêu, chỉ tiêu tăng trưởng xanh thuộc lĩnh vực quản lý. Phân công tổ chức thực hiện, xác định cá nhân chịu trách nhiệm cụ thể. Đề xuất các chương trình, đề án, dự án, hoạt động liên quan đến tăng trưởng xanh đang và dự kiến tiến hành;

- Tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, công chức, người dân về nội dung Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và kế hoạch tăng trưởng xanh của tỉnh và của ngành, địa phương;

- Định kỳ thu thập, tổng hợp thông tin về việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu giám sát và đánh giá tăng trưởng xanh của tỉnh. Định kỳ hàng năm, báo cáo nội dung cụ thể về tình hình triển khai thực hiện Chiến lược, Kế hoạch thực hiện tăng trưởng xanh lồng ghép trong báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực; nêu rõ các vướng mắc, khó khăn và đề xuất giải pháp thực hiện, các báo cáo này phải được gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp và báo cáo với UBND tỉnh.

n) Các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp:

- Chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai kế hoạch tăng trưởng xanh của tỉnh trong phạm vi chức năng và hoạt động; □

- Tuyên truyền, vận động, huy động sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân trong việc triển khai thực hiện kế hoạch tăng trưởng xanh của tỉnh và của ngành, địa phương.

o) Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Phú Yên và các cơ quan thông tin truyền thông:

Xây dựng nội dung tuyên truyền Kế hoạch hành động quốc gia về TTX giai đoạn 2014-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 20 tháng 3 năm 2014 và Kế hoạch này; thông tin, phản ánh kịp thời các mô hình, điển hình về việc triển khai thực hiện KHHĐ TTX trên địa bàn tỉnh.

Định kỳ hàng năm, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan đánh giá tình hình kết quả thực hiện 06 tháng (thời hạn gửi báo cáo trước ngày 05/6 hàng năm), cả năm (thời hạn gửi báo cáo trước ngày 05/12 hàng năm), nêu rõ những việc đã hoàn thành, những việc đang thực hiện, đề xuất giải pháp tiếp tục thực hiện gửi về cơ quan thường trực Ban chỉ đạo – Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh nhiệm vụ mới hoặc cần sửa đổi, bổ sung Kế hoạch hành động, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định (thông qua cơ quan thường trực Ban chỉ đạo).

3. Kinh phí thực hiện:

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch hành động được bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

- Căn cứ nhiệm vụ được giao, các cơ quan, đơn vị xây dựng dự toán chi thực hiện Kế hoạch hành động, tổng hợp chung vào dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm, gửi cơ quan Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư để xem xét, tổng hợp theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính cân đối, bố trí kinh phí từ nguồn chi đầu tư phát triển và nguồn chi sự nghiệp để thực hiện có hiệu quả Kế hoạch hành động này; hướng dẫn các sở, ngành, địa phương sử dụng kinh phí đúng mục đích và hiệu quả.

- Các sở, ngành của tỉnh chủ động đề xuất với các bộ, ngành Trung ương để tranh thủ nguồn lực từ Trung ương và các tổ chức quốc tế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ban ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Hoàng Văn Trà

PHỤ LỤC
DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN, KẾ HOẠCH THỰC HIỆN
(Kèm theo Quyết định số 1784 ngày 13/9/2017 của UBND tỉnh Phú Yên)

1. Các chương trình, dự án ưu tiên về giảm phát thải khí nhà kính và phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo:

TT	Tên hành động/nhiệm vụ	Mục tiêu đạt được	Cơ quan chủ trì, theo dõi/phối hợp thực hiện	Chi phí giảm phát thải (1.000VND/tCO ₂ tđ)	Kinh phí thực hiện (tỷ VND)	Kinh phí thực hiện (tỷ VND)
					2017-2020	2021-2025
	TỔNG CỘNG: KỊCH BẢN HỖ TRỢ				26,703	40,198
	TỔNG CỘNG: KỊCH BẢN TỰ NGUYỆN				274	463
A	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP				148	201
1	Chuyển đổi lúa năng suất thấp sang trồng ngô, đậu	Diện tích gieo trồng đạt 7.000 ha năm 2025	Sở NN&PTNT/Hội nông dân tỉnh	-327	83	116
2	Áp dụng kỹ thuật canh tác lúa cải tiến SRI	Triển khai áp dụng trên diện tích 5.000 ha đến năm 2020	Sở NN&PTNT/Hội nông dân tỉnh	-832	50	50
3	Ứng dụng công nghệ khí sinh học trong chăn nuôi hộ gia đình	Đến năm 2025 phát triển được 500 hầm khí sinh học	Sở NN&PTNT/Hội nông dân tỉnh	154	15	35

TT	Tên hành động/nhiệm vụ	Mục tiêu đạt được	Cơ quan chủ trì, theo dõi/phối hợp thực hiện	Chi phí giảm phát thải (1.000VND/tCO ₂ tđ)	Kinh phí thực hiện (tỷ VND)	Kinh phí thực hiện (tỷ VND)
					2017-2020	2021-2025
4	Quy hoạch các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng Công nghệ cao					
B	LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP				204	358
1	Trồng rừng ngập mặn để bảo vệ bờ biển(chàm/đước), chống xói lở do nước biển dâng (rau muống biển/cỏ vetiver)	Đến năm 2020 trồng được 250 ha đước/chàm chu kỳ khai thác 12 năm	Sở Nông nghiệp và PTNT	16	0,504	1,176
2	Tổ chức trồng rừng theo hướng kinh doanh gỗ lớn	Đến năm 2025 thay thế trên 80% mặt hàng gỗ dân dụng từ gỗ rừng tự nhiên trên cơ sở hình thành khoảng 10.000 ha rừng trồng nguyên liệu gỗ rừng để trồng cung ứng cho mộc dân dụng và xuất	Sở Nông nghiệp và PTNT	39,5	63	147
3	Tổ chức trồng rừng xen kẽ các loài cây bản địa-	Trồng mới khoảng 5.000 ha rừng sản xuất đến	Sở Nông nghiệp và PTNT	27,3	140	210

TT	Tên hành động/nhiệm vụ	Mục tiêu đạt được	Cơ quan chủ trì, theo dõi/phối hợp thực hiện	Chi phí giảm phát thải (1.000VND/tCO2 tđ)	Kinh phí thực hiện (tỷ VND)	Kinh phí thực hiện (tỷ VND)
					2017-2020	2021-2025
	lâm sản loài gỗ	năm 2025				
C	LĨNH VỰC NĂNG LƯỢNG				26.351,1	39.639,09
I	KHU VỰC DÂN CƯ				76,0	133,8
1	Bếp khí sinh học & bếp tiết kiệm năng lượng	Tăng tỷ lệ số hộ sử dụng bếp khí sinh học thay thế bếp than và củ ở khu vực nông thôn và miền núi lên mức 10% vào năm 2025	Sở NN&PTNT/Sở Công Thương/Hội PN các cấp/Hội nông dân tỉnh	-950	0,4	0,9
2	Sử dụng điều hòa hiệu suất cao (inverter) ở các hộ gia đình thành thị	Tăng tỷ lệ số hộ có điều hòa sử dụng điều hòa hiệu suất cao đạt 30% năm 2025	Sở Công Thương/Điện lực tỉnh, đài PTTH tỉnh, Báo tỉnh.	1.414	10,68	16,02
3	Sử dụng đèn CFL thay thế đèn sợi đốt	Tăng tỷ lệ số hộ sử dụng đèn CFL 100% vào năm 2025	Sở Công Thương/Điện lực tỉnh, Đài PTTH tỉnh, Báo tỉnh.	-2.811	0,98	1,47
4	Sử dụng bình đun nước nóng bằng năng lượng mặt trời ở các hộ gia đình	Tăng tỷ lệ hộ sử dụng bình đun nước nóng bằng NLMT lên 100%	Sở Công Thương/Điện lực tỉnh, Đài PTTH	-523	40,76	61,14

TT	Tên hành động/nhiệm vụ	Mục tiêu đạt được	Cơ quan chủ trì, theo dõi/phối hợp thực hiện	Chi phí giảm phát thải (1.000VND/tCO ₂ tđ)	Kinh phí thực hiện (tỷ VND)	Kinh phí thực hiện (tỷ VND)
					2017-2020	2021-2025
	thành thị	vào năm 2025	tỉnh, Báo tỉnh.			
5	Lắp đặt hệ thống điện NLMT trên mái nhà	Lắp đặt 250 hệ thống điện NLMT trên mái nhà vào năm 2025	Sở Công Thương/Điện lực tỉnh, Đài PTTH tỉnh, Báo tỉnh.	15.826	23,625	55,125
II	GIAO THÔNG				10,50	94,50
1	Sử dụng xe buýt điện	Sử dụng xe buýt tại một số tuyến trong thành phố và các điểm du lịch; phát triển 100 xe đến năm 2025	Sở Giao thông vận tải/Sở Công Thương, Công an tỉnh, VHTTDL, Đài PTTH tỉnh, Báo tỉnh...	-7.909	3,5	31,5
2	Sử dụng xe buýt xăng E5 thay thế xe máy cá nhân	Đầu tư bổ sung 100 xe buýt chạy xăng E5 để thay thế xe máy cá nhân trong thành phố	Sở Giao thông vận tải/Sở Công Thương, Công an tỉnh, VHTTDL, Đài PTTH tỉnh, Báo tỉnh...	-1.166	7	63
3	Sử dụng nhiên liệu sinh học cho xe máy	Nâng tỷ lệ xe máy sử dụng xăng sinh học (E5) lên 30% năm 2020	Sở Công Thương/Sở Giao thông vận tải, Hội phụ nữ, Hội Nông	2.872		

TT	Tên hành động/nhiệm vụ	Mục tiêu đạt được	Cơ quan chủ trì, theo dõi/phối hợp thực hiện	Chi phí giảm phát thải (1.000VND/tCO ₂ tđ)	Kinh phí thực hiện (tỷ VND)	Kinh phí thực hiện (tỷ VND)
					2017-2020	2021-2025
			dân tỉnh, Đài PTTH tỉnh, Báo Thanh Hóa.			
III	DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI				6,07	21,64
1	Sử dụng đèn LED cho khách sạn, văn phòng	Nâng tỷ lệ khách sạn sử dụng đèn LED lên 10% năm 2025	Sở Xây dựng / Sở Công Thương, VHTTDL, Hiệp hội DN tỉnh...	880	0,346	0,519
2	Sử dụng thiết bị đun nước nóng bằng NLMT cho khách sạn nhỏ	Tăng số khách sạn sử dụng thiết bị đun nước nóng bằng năng lượng mặt trời lên 50% năm 2025	Sở Công Thương/Hiệp hội DN tỉnh, Đài PTTH tỉnh...	-4.102	2,5	10
3	Sử dụng điều hòa TKNL chạy NLMT cho khu vực dịch vụ du lịch, khách sạn	Tăng tỷ lệ lắp đặt và sử dụng điều hòa TKNL chạy NLMT 10% vào năm 2025	Sở công thương/Sở VHTTDL/Sở xây dựng	3.244	2,6352	10,5408
4	Sử dụng đèn LED cho chiếu sáng đường phố	Thay thế 10% năm 2025	Sở Xây dựng/Sở Công Thương, Công ty MTĐT.	-5.070	0,5845	0,5845
IV	NÔNG NGHIỆP				92,5	140,9

TT	Tên hành động/nhiệm vụ	Mục tiêu đạt được	Cơ quan chủ trì, theo dõi/phối hợp thực hiện	Chi phí giảm phát thải (1.000VND/tCO ₂ tđ)	Kinh phí thực hiện (tỷ VND)	Kinh phí thực hiện (tỷ VND)
					2017-2020	2021-2025
1	Sử dụng đèn LED trong đánh bắt thủy hải sản	Đạt tỷ lệ 70% vào năm 2025	Sở NN&PTNT / UBND các huyện trong tỉnh, Hội nông dân tỉnh.	-14.262	9,996	14,994
2	Tuabin sục khí hiệu suất cao	Tăng tỷ lệ lắp đặt và sử dụng tuabin sục khí hiệu suất cao trong nuôi trồng thủy sản đạt mức 10% vào năm 2025	Sở NN&PTNT / UBND các huyện trong tỉnh, Hội nông dân tỉnh	-3.537	2,55	5,95
3	Sử dụng bơm NLMT kết hợp tưới nhỏ giọt cho cây trồng	Tỷ lệ sử dụng khoảng 10% vào năm 2025	Sở NN&PTNT / UBND các huyện trong tỉnh, Hội nông dân tỉnh	1.748	80	120
V	CÔNG NGHIỆP				73	108
1	Sử dụng lò hơi sinh khối thay thế lò đốt nhiên liệu hóa thạch trong sản xuất công nghiệp bia	Đến 2025 thay thế toàn bộ nhiên liệu sinh khối để đốt lò hơi trong sản xuất bia	Sở Công Thương/Hiệp hội DN tỉnh, các DN công nghiệp trên địa bàn tỉnh.	-6.844		
2	Tiết kiệm năng lượng trong hệ thống lạnh công nghiệp chế biến thủy sản	Xây dựng hệ thống quản lý năng lượng cho nhà máy chế biến tôm xuất	Sở Công Thương/Hiệp hội DN tỉnh, các DN công	-4.483	1,2	1,2

TT	Tên hành động/nhiệm vụ	Mục tiêu đạt được	Cơ quan chủ trì, theo dõi/phối hợp thực hiện	Chi phí giảm phát thải (1.000VND/tCO2 tđ)	Kinh phí thực hiện (tỷ VND)	Kinh phí thực hiện (tỷ VND)
					2017-2020	2021-2025
		khẩu	ngành trên địa bàn tỉnh.			
3	Lắp đặt dây chuyền sản xuất gạch không nung	Vấn đầu đạt 240 triệu viên/năm vào năm 2025	Sở Xây dựng/Sở Công Thương.	-3.456	70,4	105,6
4	TKNL trong sản xuất xi măng	Áp dụng các biện pháp kỹ thuật để nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng trong công nghiệp xi măng	Sở Công Thương/Sở xây dựng/Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh	-3.456	1,05	1,05
VI	CÔNG NGHIỆP NĂNG LƯỢNG				26,094	39,140
1	Phát triển điện gió nổi lưới	Dự kiến đạt mức 150MW vào năm 2025	Sở Công Thương/Sở Kế hoạch và Đầu tư.	3.069	2,760	4,140
2	Phát triển điện mặt trời nổi lưới	Dự kiến đạt mức 1169MW vào năm 2025	Sở Công Thương/Sở Kế hoạch và Đầu tư.	5.699	21,510	32,264
3	Điện sinh khối	Đạt mức bổ sung 120MW vào năm 2025	Sở Công Thương/Sở Kế hoạch và Đầu tư.	7.944	1,824	2,736

2. Danh mục các chương trình, dự án xanh hóa sản xuất:

TT	Tên dự án, nhiệm vụ	Mục tiêu đạt được	Cơ quan chủ trì / giám sát	Kinh phí (tỉ đồng)	Nguồn kinh phí
1	Phát triển du lịch Phú Yên theo hướng bền vững, sinh thái		Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		NSNN và nguồn lực xã hội (PPP)
2	Chương trình bảo vệ và phát triển các di sản tự nhiên và di sản văn hóa	Lập quy hoạch điều tra thống kê các di sản tự nhiên, di sản văn hóa. Có kế hoạch bảo vệ và phát triển các hệ sinh thái.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		NSNN và hỗ trợ quốc tế
3	Tổ hợp thể thao giải trí nghỉ dưỡng biển cao cấp Vịnh Xuân Đài - Từ Nham - Gành Đá Đĩa		Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		Doanh nghiệp, hội hóa,
4	Cụm du lịch sinh thái Đông Hòa: ưu tiên phát triển không gian vịnh Vũng Rô, đèo Cả, Đá Bia và khu vực Hòa Xuân Nam		Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		Doanh nghiệp, hội hóa,
5	Thực hiện Kế hoạch quốc gia ứng phó sự cố tràn dầu	Xây dựng hệ thống pháp luật về sự cố tràn dầu. Quy hoạch các hệ sinh thái ven biển có khả năng bị tác động khi có sự cố tràn dầu. Lập kế hoạch ứng phó sự cố. Tăng cường năng lực ứng phó sự cố.	Sở TNMT		
6	Chương trình bảo vệ và phục hồi môi trường ở các vùng khai thác khoáng sản	Phòng ngừa suy thoái và ô nhiễm các thành phần môi trường đất, nước, không khí và tiếng ồn do hoạt	Sở TNMT		

TT	Tên dự án, nhiệm vụ	Mục tiêu đạt được	Cơ quan chủ trì / giám sát	Kinh phí (tỉ đồng)	Nguồn kinh phí
		<p>động khai thác, chế biến khoáng sản gây ra.</p> <p>Tăng cường bảo tồn, sử dụng và khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên khoáng sản phòng chống các sự cố trong khai thác khoáng sản.</p> <p>Cải tạo khôi phục môi trường và tái hiện cảnh quan tại các vùng mỏ trong và ngay sau khi ngừng khai thác.</p>			
7	Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên		Ban Quản lý Khu NNUDCNC	1.947	NSTW/NS tỉnh
8	Dự án tăng cường cơ sở vật chất phát triển công nghệ sinh học tỉnh Phú Yên (phòng thử nghiệm nuôi cấy mô, chế phẩm vi sinh vật chức năng, vườn ươm cây giống, Khu bảo tồn gen,...)		Sở KH&CN	10	
9	Dự án phát triển nghề trồng nấm vùng nông thôn, miền núi và dân tộc thiểu số tỉnh Phú Yên		Sở KH&CN	3	
10	Dự án phát triển cây chuối thành hàng hóa của tỉnh		Sở KH&CN	3	
11	Dự án Xây dựng Trung tâm Yến sào Phú Yên		Sở KH&CN	3	

TT	Tên dự án, nhiệm vụ	Mục tiêu đạt được	Cơ quan chủ trì / giám sát	Kinh phí (tỉ đồng)	Nguồn kinh phí	
12	Dự án Trung tâm ươm tạo doanh nghiệp khoa học công nghệ Phú Yên					
13	Dự án trồng rừng nguyên liệu (trồng rừng sản xuất)	26.517 ha (trồng mới 15.480 ha, trồng lại rừng 11.037 ha)	Sở NN&PTNT	607		
14	Xây dựng cơ sở hạ tầng lâm nghiệp và phòng cháy chữa cháy rừng		Sở NN&PTNT	73		
15	Chương trình nghiên cứu, giáo dục, đào tạo và khuyến lâm		Sở NN&PTNT	13,2		
16	Dự án hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản hạ lưu Sông Bàn Thạch, tỉnh Phú Yên	Đầu tư hạ tầng thiết yếu cho vùng nuôi tôm chuyên canh, công nghiệp, an toàn sinh học và áp dụng quy trình thực hành sản xuất tốt (VietGAP) với quy mô khoảng 120 ha	Sở NN&PTNT	156	NSTW/NS tỉnh	
17	Dự án xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Phú Yên		Sở Thông tin và Truyền thông			
18	Dự án nâng cấp Trung tâm Dữ liệu và Dịch vụ Viễn thông		Sở Thông tin và Truyền thông			

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
BÁO/Số 28/Ngày 14-9-2017

3. Danh mục các chương trình, dự án xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững:

TT	Tên dự án, nhiệm vụ	Mục tiêu đạt được	Cơ quan chủ trì	Kinh phí (tỉ đồng)	Nguồn kinh phí

TT	Tên dự án, nhiệm vụ	Mục tiêu đạt được	Cơ quan chủ trì	Kinh phí (tỉ đồng)	Nguồn kinh phí
1	Chương trình MTQG Nước sạch VSMTNT (ngân sách địa phương đối ứng)	Đến năm 2020, đảm bảo 100% hộ dân nông thôn cơ bản được sử dụng nước hợp vệ sinh	TT NS & VSMTNT	1.000	Hỗ trợ của NSNN
2	Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt thị xã Sông Cầu	Xử lý chất thải rắn 240T/ngày-đêm	Sở Xây dựng	264	Công ty Cổ phần Tập đoàn công nghệ T-Tech Việt Nam
3	Khu xử lý chất thải rắn công nghiệp và nguy hại (trong Khu xử lý chất thải rắn tập trung huyện Đông Hòa)	Xử lý chất thải nguy hại: 5.000 tấn; chất thải công nghiệp 25.000 tấn/năm, chất thải rắn sinh hoạt 100 tấn/ngày	Sở Xây dựng	100	Công ty Cổ phần Lilama EME
4	Hệ thống cấp nước cho khu Kinh tế Nam Phú Yên	Cung cấp đủ nước sinh hoạt cho Khu kinh tế Nam Phú Yên	Sở Xây dựng	100	Hỗ trợ của NSNN
5	Các Hệ thống cấp nước cho thị trấn Phú Thứ (huyện Tây Hòa), Sơn Long, An Mỹ (huyện Tuy An), Xuân Lãnh (huyện Đồng Xuân), Tân Lập (huyện Sông Hinh)	Đến năm 2020, bảo đảm 90% tổng dân số đô thị được sử dụng nước sạch	Sở Xây dựng	75	Hỗ trợ của NSNN
6	Khu xử lý bùn thải bể xí tự hoại TP. Tuy Hòa	Xử lý tất cả bùn thải từ bể xí tự hoại của nhà ở nhân dân, cơ quan, đơn vị trên địa bàn TP. Tuy Hòa và khu vực lân cận	Sở Xây dựng		Hỗ trợ của NSNN
7	Nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt thị xã Sông Cầu	Xử lý nước thải giai đoạn 1, công suất 2.000m ³ /ngày-đêm	Sở Xây dựng		Hỗ trợ của NSNN

TT	Tên dự án, nhiệm vụ	Mục tiêu đạt được	Cơ quan chủ trì	Kinh phí (tỉ đồng)	Nguồn kinh phí
8	Các nhà máy sản xuất gạch không nung	Đặt tại các huyện: Sông Hình – 5 triệu viên/năm; Sơn Hòa, Đồng Xuân và thị xã Sông Cầu – 10 triệu viên/năm	Sở Xây dựng		Vốn của doanh nghiệp